

Số: **60** /2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **03** tháng **11** năm 2014

THÔNG TƯ

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

Điều 2. Thông tư này điều chỉnh các hoạt động dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải, được áp dụng đối với tổ chức hoa tiêu hàng hải (sau đây gọi là Công ty hoa tiêu), người thực hiện nhiệm vụ hoa tiêu hàng hải (sau đây gọi là Hoa tiêu) và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải tại Việt Nam.

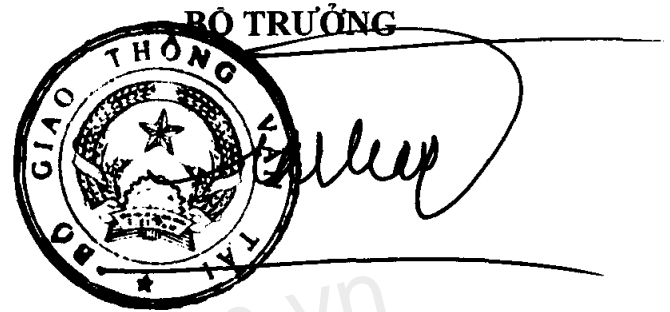
Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Bãi bỏ Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải và Thông tư số 42/2013/TT-BGTVT ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ sung Phụ lục của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4. Giao Vụ Khoa học-Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các quy định của Thông tư này, hàng năm kiểm tra việc đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Nam, Giám đốc các công ty Hoa tiêu hàng hải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.



Đinh La Thăng

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BGTVT ngày tháng năm
2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý xây dựng định mức

1. Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
2. Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;
3. Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
5. Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;
6. Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;
7. Các số liệu khảo sát, kiểm tra thực tế và các tài liệu liên quan đến xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

Điều 2. Các nguyên tắc chung

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải xác định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô, thời gian lao động công nghệ hoa tiêu hàng hải khi Hoa tiêu thực hiện dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải trên các tuyến dẫn tàu được giao.
2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải được xây dựng trên cơ sở quy trình tác nghiệp dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải; quy định về cấp bậc, số lượng Hoa tiêu tối thiểu tương ứng với từng loại tàu và tuyến dẫn

tàu; yêu cầu về loại phương tiện đưa, đón Hoa tiêu phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động hoa tiêu dẫn tàu trong các vùng hoa tiêu bắt buộc.

3. Các mức quy định tại nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật này là mức cao nhất có thể áp dụng theo quy trình đầy đủ. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị cần phải tiết giảm chi phí, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng để áp dụng các mức thấp hơn.

4. Trường hợp bổ sung tuyến dẫn tàu được giao thì Công ty hoa tiêu phải có kết quả khảo sát chi tiết, báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận làm cơ sở triển khai áp dụng.

Điều 3. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải bao gồm:

1. Định mức thời gian lao động công nghệ hoa tiêu hàng hải cho từng tuyến dẫn tàu.

Thể hiện mức thời gian lao động công nghệ của Hoa tiêu khi hoàn thành một quy trình công nghệ dẫn tàu đối với từng tuyến dẫn tàu, được xác định qua các bước theo Quy trình tác nghiệp dẫn tàu của Hoa tiêu hàng hải.

2. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện đưa, đón Hoa tiêu.

Thể hiện mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu bôi trơn trong 01 giờ hoạt động của máy chính và máy phát điện của phương tiện thủy đưa, đón Hoa tiêu, được xác định tại các chế độ khai thác máy;

Thể hiện mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu bôi trơn của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu khi chạy 100 km.

Điều 4. Kết cấu định mức

Chương 1: Quy định chung;

Chương 2: Quy trình tác nghiệp dẫn tàu và tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải;

Chương 3: Định mức thời gian lao động công nghệ hoa tiêu;

Chương 4: Định mức tiêu thụ nhiên liệu và dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu;

Phụ lục: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu.

Điều 5. Quy định áp dụng định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải áp dụng cho một lượt Hoa tiêu dẫn tàu trên 01 tuyến dẫn tàu được giao. Trong quá trình thực hiện định mức được áp dụng các hệ số điều chỉnh k như sau:

a) Với khoảng cách dẫn tàu xa, yêu cầu Hoa tiêu dẫn tàu phải làm việc liên tục từ trên 08 giờ đến 12 giờ: thời gian hoạt động của Hoa tiêu được áp dụng hệ số $k_1 \leq 1,7$.

b) Định mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện đưa, đón Hoa tiêu được xác định trên cơ sở đưa, đón 01 Hoa tiêu cho 01 lượt dẫn tàu ($k_2 = 1,0$). Nếu công tác đưa, đón Hoa tiêu dẫn tàu được kết hợp cho nhiều tàu thì khi tính lượng tiêu hao nhiên liệu cho phương tiện đưa, đón Hoa tiêu sẽ áp dụng hệ số điều chỉnh $k_2 \leq 0,7$.

c) Đối với các tuyến dẫn tàu có bố trí Trạm hoa tiêu, Công ty hoa tiêu bố trí xe ô tô đưa đón Hoa tiêu kết hợp chuyển đổi Hoa tiêu thường trực tại Trạm được tính với hệ số $k_3 \leq 0,5$; Quy trình tác nghiệp dẫn tàu của Hoa tiêu được tính bắt đầu từ Trạm hoa tiêu.

d) Các mức quy định trong định mức này áp dụng trong trường hợp các Công ty hoa tiêu đảm bảo chất lượng dịch vụ theo các tiêu chí được nêu tại định mức này và theo các quy định hiện hành. Trong trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận chất lượng dịch vụ thấp hơn (hoặc cao hơn) các tiêu chí về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu quy định tại Chương 2 của định mức này, thì sẽ áp dụng hệ số điều chỉnh $k_4 = 0,9$ (hoặc $1,1$) đối với các nội dung định mức có liên quan. Đối với các chi phí có liên quan đến huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ thì có thể áp dụng thêm hệ số huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ $k_5 \leq 0,3$ trên tổng số lượt dẫn tàu.

2. Những công tác khác không quy định trong định mức này thì áp dụng theo các định mức và quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II

QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP DẪN TÀU VÀ TIÊU CHUẨN VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 6. Quy trình tác nghiệp dẫn tàu vào cầu cảng hoặc đến vị trí yêu cầu

1. Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

2. Bước 2: Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn

a) Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến Trạm hoa tiêu hoặc đến vị trí tập kết phương tiện thủy của Công ty hoa tiêu (sau đây gọi là Bến xuất phát); hoặc có thể sử dụng ca nô để đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát. Thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50km/h ngoài thành phố hoặc khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của ca nô;

b) Phương tiện thủy làm ma nơ rời bến, đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

c) Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu lên tàu.

3. Bước 3: Phương tiện thủy hành trình quay về

a) Trường hợp tàu được dẫn cập bến xuất phát: Phương tiện thủy làm ma nơ rời tàu được dẫn về bến xuất phát;

b) Trường hợp tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc có vị trí khác với bến xuất phát: Phương tiện thủy làm ma nơ rời tàu được dẫn và hành trình theo tàu được dẫn hoặc về bến xuất phát;

c) Thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình.

4. Bước 4: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu

a) Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi thống nhất kế hoạch dẫn tàu với Thuyền trưởng;

b) Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo, hoặc cời dây buộc phao và dẫn tàu cập cầu cảng hoặc đến vị trí yêu cầu. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ chạy tàu cho phép đối với từng tuyến dẫn tàu;

c) Hoa tiêu ma nơ tàu được dẫn cập cảng hoặc thả neo, buộc phao;

d) Hoa tiêu bàn giao công việc cho Thuyền trưởng, chờ tàu làm cầu thang (nếu ở cầu cảng) hoặc chờ phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu (nếu neo, buộc phao) và rời tàu được dẫn.

5. Bước 5: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Tàu được dẫn cập bến xuất phát: Xe ô tô đón Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc phao có vị trí khác bến xuất phát:

Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn đón và đưa Hoa tiêu về bến xuất phát, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Xe ô tô đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố; hoặc

Phương tiện thủy, hoặc xe ô tô, hoặc cả hai loại phương tiện đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu. Thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; thời gian xe ô tô hoạt động được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

c) Tác nghiệp Hoa tiêu dẫn tàu rời cảng, vị trí neo, buộc phao thực hiện theo quy trình ngược lại tương tự.

Điều 7. Quy trình tác nghiệp dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu

1. Phương án Hoa tiêu đi cùng tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu quay về

a) Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

b) Bước 2: Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu dầu

Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

Phương tiện thủy làm ma nơ rời bến, đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

c) Bước 3: Phương tiện thủy hành trình về bến xuất phát

Phương tiện thủy ma nơ cập tàu dầu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu lên tàu dầu được dẫn và làm ma nơ rời tàu dầu về bến xuất phát; Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

d) Bước 4: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và quay về

Hoa tiêu lên tàu, trao đổi thông nhất kế hoạch dẫn tàu với Thuyền trưởng;

Chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi cho hành trình dẫn tàu dầu: Thủy triều, thời tiết, bố trí tàu lai dắt...;

Điều động tàu dầu được dẫn kéo neo và tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vùng đón trả Hoa tiêu quy định đến vùng đón trả Hoa tiêu của mỏ, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ cho phép đối với từng tuyến dẫn tàu;

Trao đổi với thuyền trưởng và đại diện giàn khoan khai thác dầu để thống nhất phương án cập buộc;

Hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu dầu được dẫn cập kho nổi chứa dầu để làm hàng;

Điều động tàu dầu nổi ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu;

Trong suốt quá trình bơm dầu từ kho nổi chứa dầu vào tàu dầu, Hoa tiêu liên tục thường trực điều động để tàu dầu ổn định, kiểm tra hàm hàng và làm hàng;

Điều động tàu dầu ổn định để tháo ống bơm dầu và chờ xác định khối lượng hàng hóa;

Trao đổi với thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra, làm ma nơ tàu dầu rời kho nổi chứa dầu;

Điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu được dẫn về vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan;

Điều động tàu dầu được dẫn tiếp tục về vị trí đón trả hoa tiêu quy định. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ cho phép chạy tàu đối với từng tuyến dẫn tàu;

Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho thuyền trưởng.

đ) Bước 5: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

Phương tiện thủy hành trình từ bến xuất phát ra vùng đón trả hoa tiêu quy định, làm ma nơ cập tàu dầu được dẫn, đón Hoa tiêu về bến xuất phát. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

2. Phương án Hoa tiêu đi máy bay ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu:

a) Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

b) Bước 2: Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu

Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu ra sân bay, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay;

Máy bay đưa Hoa tiêu ra kho nổi chứa dầu, thời gian bay được xác định theo hợp đồng dịch vụ bay với công ty bay dịch vụ.

c) Bước 3: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu thực hiện nhận dầu

Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu sang tàu dầu được dẫn;

Hoa tiêu trao đổi thông nhất kế hoạch dẫn tàu với thuyền trưởng và đại diện giàn khoan khai thác dầu phương án cập buộc;

Hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu dầu cập kho nổi chứa dầu để làm hàng;

Điều động tàu dầu được dẫn nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu;

Trong suốt quá trình bơm dầu từ kho nổi vào tàu dầu, Hoa tiêu liên tục thường trực điều động tàu dầu ổn định để kiểm tra hầm hàng và làm hàng;

Điều động tàu dầu tháo ống bơm dầu và chờ xác định khối lượng hàng hóa;

Trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra và làm ma nơ tàu dầu được dẫn rời kho nổi chứa dầu;

Điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu được dẫn về vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan;

Điều động tàu dầu được dẫn tiếp tục đến vùng đón trả hoa tiêu của mỏ;

Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu dầu và bàn giao tàu dầu được dẫn cho thuyền trưởng;

Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ tàu dầu được dẫn về kho nổi chứa dầu, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Hoa tiêu chờ đợi máy bay về đất liền;

Máy bay đưa hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu về sân bay.

d) Bước 4: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ sân bay về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

Điều 8. Tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải

1. Tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải là tập hợp những quy định, yêu cầu nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích về hoa tiêu hàng hải mà Công ty hoa tiêu, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải tuân thủ trong quá trình cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

2. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải được thể hiện qua các tiêu chí:

a) Độ tin cậy của dịch vụ;

- b) Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng (có xác nhận cụ thể);
- c) Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 9. Cơ sở đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải đối với Công ty hoa tiêu

1. Độ tin cậy của dịch vụ

- a) Có hệ thống quản lý chất lượng và quy trình tổ chức thực hiện hiệu quả, an toàn;
- b) Có đủ Hoa tiêu (bao gồm cả số Hoa tiêu dự phòng là 10%), phương tiện, thiết bị phụ trợ theo yêu cầu để thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức cung cấp hoa tiêu kịp thời; Bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;
- d) Trong hoạt động cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải không được để xảy ra đình công, lãn công dưới bất cứ hình thức nào;
- đ) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty hoa tiêu theo quy định của pháp luật.

2. Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng

- a) Tất cả các nhu cầu trước, trong và sau khi cung cấp dịch vụ hoa tiêu cho khách hàng đều được phục vụ đầy đủ, kịp thời;
- b) Không có trường hợp khách hàng phản ánh về thái độ phục vụ và nghiệp vụ chuyên môn của Hoa tiêu.

3. Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

- a) Phối hợp với tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải; doanh nghiệp cảng, đại lý của chủ tàu và các cơ quan, tổ chức liên quan tại khu vực để tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải an toàn, hiệu quả;
- b) Lập kế hoạch bố trí Hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày, thông báo với Cảng vụ hàng hải, các Công ty hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu để thống nhất thực hiện; trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do;
- c) Tổ chức trực ban 24/24h.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan.

a) Đối với các bộ phận có liên quan như: Điều khiển phương tiện thủy, bộ đưa đón Hoa tiêu; nhân viên tính phí hoa tiêu,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nghiêm túc thực thi chức trách của mình.

b) Phối hợp về lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải giữa các Công ty hoa tiêu:

Về lĩnh vực đào tạo, huấn luyện và cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải;

Về lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường (Quy chế phối hợp VTS, nội quy cảng biển khu vực, quy định làm việc tại các doanh nghiệp cảng, tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải ...);

Về lĩnh vực cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn (các Công ty hoa tiêu hàng hải, Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực, các Cảng vụ hàng hải khu vực...).

Điều 10. Cơ sở đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải đối với Hoa tiêu

1. Độ tin cậy

a) Hoa tiêu đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Mặc trang phục, sử dụng công cụ, bảo hộ lao động theo quy định khi thực thi nhiệm vụ;

c) Không tổ chức, hoặc tham gia đình công, lãn công dưới bất cứ hình thức nào.

2. Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng

a) Cập nhật các quy định mới, có ý thức rèn luyện nâng cao sức khỏe, tay nghề, kỹ năng điều động và xử lý tình huống;

b) Mẫn cán trong thực hiện nhiệm vụ, không gây khó khăn, sách nhiễu trong khi làm nhiệm vụ;

c) Không để xảy ra các tình trạng mất an toàn, an ninh, tai nạn tàu thuyền do lỗi chủ quan của hoa tiêu.

3. Mức độ đảm bảo an toàn, đảm bảo an ninh hàng hải và việc thực hiện các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

a) Dẫn tàu đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

b) Dẫn tàu đi đúng tuyến luồng quy định, đúng giờ; lên xuống tàu đúng vị trí, yêu cầu quy định;

c) Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tác nghiệp dẫn tàu, nội quy cảng biển khu vực.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Hợp tác, tư vấn tốt cho thuyền trưởng, đại lý của chủ tàu về các điều kiện hành hải ở khu vực dẫn tàu; khuyến cáo thuyền trưởng về các hành động không phù hợp với quy định bảo đảm an toàn hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Phối hợp chặt chẽ với các Cảng vụ hàng hải, Công ty hoa tiêu, tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn khu vực và các cơ quan hữu quan về các vấn đề có liên quan trong công tác dẫn tàu nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho con người, tàu, hàng hóa, nhà máy, cảng biển.

5. Báo cáo công tác dẫn tàu

Tại tuyến dẫn tàu được giao có xác nhận của thuyền trưởng hoặc đại lý sau mỗi chuyến dẫn tàu bao gồm: Phiếu hoa tiêu dẫn tàu và phát sinh, tai nạn, tình huống nguy hiểm; thái độ tác nghiệp dẫn tàu, và những vấn đề có liên quan đến công tác dẫn tàu.

www.LuatVietnam.vn

Chương III

ĐỊNH MỨC THỜI GIAN LAO ĐỘNG CÔNG NGHỆ HOA TIÊU

Điều 11. Quy định chung

Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu trên tuyến dẫn tàu ra, vào cảng biển, vị trí neo, buộc phao trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc xác định căn cứ theo các yếu tố sau:

1. Sơ đồ hành trình trên tuyến dẫn tàu, tốc độ chạy tàu cho phép trên tuyến dẫn tàu, trên biển theo Nội quy cảng biển.

2. Chiều dài của tuyến dẫn tàu được xác định dựa trên cơ sở sau:

a) Thông báo công bố vùng nước cảng biển và các tuyến dẫn tàu trong vùng hoa tiêu bắt buộc của Việt Nam;

b) Quyết định về việc giao tuyến dẫn tàu cho Công ty hoa tiêu;

c) Xác định trên hải đồ các tuyến dẫn tàu từ các vị trí quy định đón, trả hoa tiêu (P/S) đến các cảng thuộc khu vực;

d) Số liệu báo cáo thống kê chiều dài tuyến dẫn tàu cụ thể của các Công ty hoa tiêu được tổng hợp trong Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 của Phụ lục kèm theo định mức này. Khi áp dụng để tính định mức cần được kiểm tra điều chỉnh cho phù hợp thực tế. Đối với các tuyến dẫn tàu bổ sung (chưa có trong các Bảng 1, 2, 3 của Phụ lục kèm theo định mức này) thì chiều dài tuyến dẫn tàu được xác định theo kết quả khảo sát thực tế.

3. Trường hợp Hoa tiêu dẫn tàu có dung tích lớn (từ 50.000 DWT trở lên) hoặc dẫn tàu chạy đêm thời tiết xấu, tầm nhìn xa bị hạn chế, mật độ tàu thuyền cao, tàu chở hàng nguy hiểm thì có thể: bố trí 02 Hoa tiêu làm việc trên tàu để đảm bảo an toàn hoặc áp dụng hệ số $k_6 \leq 2,0$.

4. Định mức thời gian hoạt động của phương tiện thủy được nêu tại Bảng 6 và định mức hao phí thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu được nêu tại Bảng 7 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Điều 12. Xác định thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu vào cầu cảng, hoặc đến vị trí yêu cầu

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, tiến hành xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc) chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn

a) Thời gian phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố. Trường hợp dùng phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát, được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

b) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ rời bến xuất phát là 10 phút;

c) Thời gian phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn là 10 phút.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu

a) Thời gian Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng là 10 phút;

b) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu kéo neo, hoặc cời dây buộc phao, làm ma nơ tàu là 30 phút;

c) Thời gian Hoa tiêu dẫn tàu hành trình theo tuyến dẫn tàu quy định từ vị trí đón trả Hoa tiêu vào cảng hoặc vị trí neo, buộc phao theo yêu cầu: xác định theo khoảng cách dẫn tàu với tốc độ cho phép đối với tuyến dẫn tàu;

d) Thời gian Hoa tiêu làm ma nơ tàu được dẫn cập cầu cảng, hoặc vị trí neo đậu theo yêu cầu, thả neo (buộc phao) bình quân là 60 phút;

đ) Thời gian Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng, chờ tàu làm cầu thang (nếu ở cầu cảng) hoặc chờ phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu (nếu ở khu neo, buộc phao) và rời tàu là 10 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ cầu cảng hoặc vị trí neo, buộc phao của tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Trường hợp tàu được dẫn cập cầu cảng xuất phát của phương tiện thủy, xe ô tô đón Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty hoa tiêu: thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế của từng khu vực, với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

b) Trường hợp tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc phao có vị trí khác bến xuất phát:

Trường hợp phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu đón Hoa tiêu và đưa về bến xuất phát. Thời gian xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; Trường hợp phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ

tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố; hoặc trường hợp phương tiện thủy hoặc xe ô tô hoặc cả hai loại phương tiện đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu: Trường hợp này thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy, thời gian ô tô được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

5. Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là 10 phút.

Điều 13. Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển với phương án Hoa tiêu đi cùng tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu quay về

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian cho công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn:

a) Thời gian xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ rời bến xuất phát là 10 phút;

c) Thời gian phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu được dẫn là 10 phút.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu:

a) Thời gian Hoa tiêu lên tàu dầu được dẫn, trao đổi với Thuyền trưởng là 20 phút;

b) Thời gian chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi cho hành trình tàu chở dầu ra biển (thủy triều, thời tiết ổn định, bố trí tàu lai dắt): Tính trung bình tiên tiến theo số liệu thống kê bình quân 03 năm gần nhất của tuyến dẫn tàu;

c) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu kéo neo là 30 phút;

d) Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp hành trình dẫn tàu dầu từ giàn khai thác dầu trở về vùng đón trả hoa tiêu: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của từng tuyến dẫn tàu;

d) Thời gian trao đổi với thuyền trưởng và đại diện giàn khai thác dầu để thống nhất phương án cấp buộc là 30 phút;

e). Thời gian Hoa tiêu hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu chở dầu cấp kho nổi chứa dầu của giàn khoan khai thác dầu là 120 phút;

g) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn ổn định vị trí để nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu là 120 phút;

h) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu được dẫn ổn định để làm các thủ tục kiểm tra hàm hàng là 60 phút;

i) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu được dẫn ổn định để làm hàng: Tính theo số liệu thống kê thực tế bình quân 03 năm gần nhất;

k) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn tháo ống bơm dầu là 90 phút;

l) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục xác định khối lượng, chất lượng dầu là 90 phút;

m) Thời gian Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra là 30 phút;

n) Thời gian Hoa tiêu điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu đến vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan là 120 phút;

o) Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp hành trình dẫn tàu dầu từ vị trí an toàn về vùng đón trả hoa tiêu quy định: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của từng tuyến dẫn tàu; thời gian Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho Thuyền trưởng là 20 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ vùng đón trả hoa tiêu quy định về Trụ sở Công ty hoa tiêu:

a) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cấp tàu dầu đón Hoa tiêu là 10 phút;

b) Thời gian phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu về bến xuất phát: Xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

c) Thời gian phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

d) Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là: 10 phút.

Điều 14. Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển với phương án Hoa tiêu đi máy bay ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian cho công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu

a) Thời gian phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu ra sân bay: xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Thời gian Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay là 60 phút;

c) Thời gian máy bay đưa Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển: xác định theo hợp đồng dịch vụ bay của Công ty bay dịch vụ.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu

a) Thời gian chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi: đối với thủy triều, thời tiết ổn định, bố trí tàu lai dắt... tính trung bình tiên tiến theo số liệu thống kê 03 năm gần nhất.

b) Thời gian Hoa tiêu di chuyển sang tàu lai là 20 phút;

c) Thời gian tàu lai ma nơ rời kho nổi chứa dầu là 15 phút;

d) Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu sang tàu dầu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

đ) Thời gian tàu lai ma nơ cập tàu dầu được dẫn là 20 phút;

e) Thời gian Hoa tiêu trao đổi với thuyền trưởng tàu dầu được dẫn và đại diện giàn khai thác dầu mỏ thống nhất phương án cập buộc là 30 phút;

g) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn kéo neo 30 phút;

h) Thời gian tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vùng đón trả hoa tiêu từ dàn khoan đến kho nổi chứa dầu: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của tuyến dẫn tàu;

i) Thời gian Hoa tiêu hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu chở dầu cập kho nổi chứa dầu của giàn khai thác dầu mỏ là 120 phút;

k) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu là 120 phút; thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu ổn định để làm các thủ tục kiểm tra hầm hàng là 60 phút;

l) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu ổn định để làm hàng: tính theo số liệu thống kê thực tế bình quân tiên tiến 03 năm gần nhất; thời gian Hoa tiêu điều động tàu tháo ống bơm dầu là 90 phút;

m) Thời gian Hoa tiêu trực chờ đo xác định khối lượng, chất lượng dầu là 90 phút; thời gian Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra là 30 phút;

n) Thời gian Hoa tiêu ma nơ tàu dầu được dẫn rời kho nổi chứa dầu đến vị trí an toàn là 60 phút; thời gian Hoa tiêu điều động tháo dây tàu lai là 30 phút;

o) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan là 120 phút; thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vị trí an toàn đến vùng đón trả hoa tiêu của mỏ là 30 phút; thời gian Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho thuyền trưởng là 20 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ vùng đón trả hoa tiêu của mỏ về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu đón hoa tiêu là 10 phút; Hoa tiêu rời tàu dầu được dẫn lên phương tiện thủy 20 phút;

b) Thời gian phương tiện thủy đưa hoa tiêu về kho nổi chứa dầu: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập kho nổi chứa dầu là 20 phút;

c) Hoa tiêu rời phương tiện thủy lên kho nổi chứa dầu là 10 phút; Hoa tiêu chờ đợi máy bay tại kho nổi chứa dầu: theo số liệu thống kê bình quân 03 năm gần nhất liền kề;

d) Thời gian hoa tiêu bay từ kho nổi chứa dầu về sân bay Vũng Tàu: xác định theo hợp đồng dịch vụ bay của Công ty bay dịch vụ;

đ) Thời gian xe ô tô đón hoa tiêu từ sân bay về Trụ sở Công ty hoa tiêu (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50km/h ngoài thành phố;

Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là: 10 phút.

Chương IV

ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU, DẦU BÔI TRƠN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY, XE Ô TÔ ĐƯA, ĐÓN HOA TIÊU

Điều 15. Quy định chung

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô đưa đón Hoa tiêu xác định mức hao phí cần thiết về nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, ô tô để thực hiện một quy trình dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn được xây dựng trên cơ sở các phương tiện, thiết bị hiện đang sử dụng tại các Công ty hoa tiêu; các tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo và mức phụ tải thực tế sử dụng của các phương tiện; quy trình tác nghiệp dẫn tàu; tốc độ cho phép của các phương tiện thủy, bộ.

3. Định mức nhiên liệu của phương tiện thủy được tính theo lượng tiêu hao nhiên liệu trong 1 giờ làm việc (kg/h) theo các chế độ và thời gian hoạt động của phương tiện, trên cơ sở suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt}) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo.

4. Định mức nhiên liệu của xe ô tô được tính theo suất tiêu hao nhiên liệu của phương tiện mới (g_{oto}), quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo khi đi chuyển 100 km (lít/100km).

5. Đối với các phương tiện thủy: Áp dụng các hệ số điều chỉnh thời gian khai thác phương tiện (k_t) như sau:

Đối với các phương tiện thủy có thời gian hoạt động từ 5 năm đến dưới 10 năm: Tăng thêm 3% ($k_t = 1,03$);

Đối với các phương tiện thủy có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên: Tăng thêm 5% ($k_t = 1,05$);

6. Mức tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô khi chạy trong thành phố được tính tăng thêm 10% ($k_{tp} = 1,10$).

7. Mức tiêu hao dầu bôi trơn được tính theo tỷ lệ % của lượng tiêu hao nhiên liệu (1% đối với xe ô tô; 2% đối với phương tiện thủy).

8. Thông số kỹ thuật chi tiết của các loại phương tiện thủy, xe ô tô đưa đón hoa tiêu hiện có được tổng hợp trong các Bảng 4 và Bảng 5 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Điều 16. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô

Lượng tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu cho mỗi chuyến công tác (G_{oto}) được xác định tại Bảng 5 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Lượng tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu cho mỗi chuyến công tác (G_{oto}) được xác định như sau:

$$G_{oto} = g_{oto} \frac{L}{100} k_{tp} k_{dh} \quad (\text{lít})$$

Trong đó:

G_{oto} - Lượng nhiên liệu tiêu hao của xe ô tô cho mỗi chuyến công tác (lít).

g_{oto} - Suất tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô trên quãng đường 100km, căn cứ trên cơ sở tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo cung cấp, hoặc kết quả thử nghiệm (lít/100km).

$k_{tp} = 1,10$ - Hệ số điều chỉnh khi xe ô tô chạy trong thành phố.

$k_{dh} = 1,05$ - Hệ số điều chỉnh khi xe chạy sử dụng điều hòa nhiệt độ.

L - Quãng đường thực tế xe chạy đưa đón Hoa tiêu trong chuyến công tác (km).

Điều 17. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy

1. Các chế độ hoạt động của tàu đưa đón Hoa tiêu

Các chế độ hoạt động của tàu đưa đón Hoa tiêu: manơ rời, cập cầu cảng, hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng, manơ cập, rời tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu, được xác định thông qua hệ số chế độ hoạt động của tàu thủy (k_{tt}), cụ thể như sau:

a) Làm manơ rời, cập cầu cảng: Máy chạy ở chế độ tương ứng 30% công suất định mức của máy (N_e) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ($k_{tt} = 0,30$);

b) Hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng (từ điểm neo ra vùng đón trả hoa tiêu hoặc ngược lại): Chạy máy ở chế độ tương ứng 85% công suất định mức (N_e) của máy ($k_{tt} = 0,85$);

c) Làm manơ cập, rời tàu được dẫn: Chạy máy ở chế độ trung bình, tương ứng 50% công suất định mức của máy ($k_{tt} = 0,50$);

d) Chờ Hoa tiêu: Chạy máy ở chế độ máy tương ứng 40% công suất định mức của máy để chờ lệnh của Hoa tiêu trước khi trở về bến xuất phát ($k_{tt} = 0,40$);

2. Các chế độ hoạt động của Ca nô đưa đón Hoa tiêu

Các chế độ hoạt động của canô đưa đón Hoa tiêu: Manơ rời, cập cầu cảng, hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng, manơ cập, rời tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu, được xác định thông qua hệ số chế độ hoạt động của canô (k_{cn}), cụ thể như sau:

a) Làm manơ rời, cập cầu cảng: Chạy máy ở chế độ tương ứng 30% công suất định mức của máy (N_e) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ($k_{cn} = 0,30$);

b) Hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu từ cầu cảng ra vị trí neo của tàu được dẫn và ngược lại: Canô chạy máy ở chế độ hành trình tương ứng 85% công suất định mức của máy (N_e) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ($k_{cn} = 0,85$);

c) Làm manơ cập, rời tàu được dẫn để đưa, đón Hoa tiêu: Khi canô hành trình đến tàu được dẫn neo tại vùng đón trả hoa tiêu, chạy máy ở chế độ tương ứng 40% công suất định mức của máy (N_e), quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo ($k_{cn} = 0,40$);

3. Xác định lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ hoạt động của phương tiện thủy

Lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ hoạt động của phương tiện thủy được xác định như sau:

$$G_{tt} = \frac{g_{tt} \cdot N_e}{1000} k_{tt} \text{ (hoặc } k_{cn}) \cdot k_t \cdot k_1 \text{ (kg/h)}$$

Trong đó:

G_{tt} - Lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ ở các chế độ hoạt động khác nhau của phương tiện thủy (kg/h); N_e - Công suất định mức của máy, quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo, (hp); g_{tt} - Suất tiêu hao nhiên liệu của động cơ ở chế độ khai thác N_e , được xác định theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (g/hp.h); k_{tt} (k_{cn}) - Hệ số điều chỉnh mức công suất theo các chế độ hoạt động khác nhau của tàu thủy (hoặc canô) đưa, đón Hoa tiêu; k_t - Hệ số điều chỉnh thời gian khai thác phương tiện; k_1 - Hệ số điều chỉnh suất tiêu hao nhiên liệu ở các mức công suất khai thác khác nhau được xác định theo Hệ số điều chỉnh theo bảng dưới đây:

k_{tt} (hoặc k_{cn})	$\leq 0,25$	$0,25 < \leq 0,50$	$0,50 < \leq 0,75$	$> 0,75$
k_1	1,3	1,2	1,1	1,0

Lượng tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy được xác định tại Bảng 6 của Phụ lục kèm theo định mức này.